

**(Dự kiến) DANH SÁCH HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KÌ 2 NĂM HỌC 2025-2026 - KHÓA 59**

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 10	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 4	ĐRL HK2 NH 25-26	MGHP	Loại HB
1	23D100160	Lê Bảo	Châu	K59A4	A	18	9.15	4.00	98		Xuất sắc
2	23D100185	Nguyễn Hải	Ly	K59A4	A	24	9.10	4.00	97		Xuất sắc
3	23D100102	Nguyễn Thị	Uyên	K59A2	A	18	8.97	4.00	83		Giỏi
4	23D100157	Hoàng Văn	Anh	K59A4	A	19	8.94	3.92	82		Giỏi
5	23D100197	Lục Thị Thu	Thảo	K59A4	A	16	8.85	4.00	91		Giỏi
6	23D100226	Nguyễn Thị Thu	Hương	K59A5	A	18	8.85	3.92	93		Giỏi
7	23D100110	Ngô Diệu	Chi	K59A3	A	18	8.84	3.92	92		Giỏi
8	23D100201	Nguyễn Thị	Trâm	K59A4	A	16	8.84	3.94	89		Giỏi
9	23D100208	Nguyễn Thị Vân	Anh	K59A5	A	18	8.82	4.00	96		Giỏi
10	23D100176	Nguyễn Thị	Hương	K59A4	A	22	8.80	3.93	85		Khá
11	23D100168	Phạm Thị Hồng	Hạnh	K59A4	A	25	8.79	3.94	88		Khá
12	23D100089	Nguyễn Quỳnh	Như	K59A2	A	18	8.78	3.92	84		Khá
13	23D100111	Trần Thị	Chi	K59A3	A	18	8.77	3.75	100		Khá
14	23D100010	Nguyễn Quỳnh	Chi	K59A1	A	18	8.72	3.86	98		Khá
15	23D100081	Trần Phương	Linh	K59A2	A	18	8.70	3.86	94		Khá
16	23D100249	Bùi Hồng	Thịnh	K59A5	A	18	8.69	4.00	83		Khá
17	23D100129	Đồng Khánh	Linh	K59A3	A	22	8.67	3.80	91		Khá
18	23D100183	Trần Thị Phương	Linh	K59A4	A	18	8.66	3.86	95		Khá
19	23D100083	Nguyễn Thị	Mai	K59A2	A	18	8.64	3.83	83		Khá
20	23D100106	Hoàng Kim	Anh	K59A3	A	18	8.64	3.78	93		Khá
21	23D100200	Nguyễn Thị Thu	Trang	K59A4	A	16	8.63	3.75	85		Khá
22	23D100229	Nguyễn Thị	Liên	K59A5	A	18	8.63	3.83	88		Khá
23	23D100138	Nguyễn Đào Bảo	Ngân	K59A3	A	19	8.62	3.76	98		Khá
24	23D100223	Lê Diệu	Huyền	K59A5	A	18	8.62	3.92	93		Khá
25	23D108109	Lê Thanh	Cúc	K59AA3	AA	16	9.11	3.88	83		Giỏi
26	23D108131	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	K59AA3	AA	16	9.11	4.00	95		Xuất sắc
27	23D108082	Trần Thị	Ngọc	K59AA2	AA	16	9.08	4.00	89		Giỏi
28	23D108128	Lưu Ngọc	Mai	K59AA3	AA	16	9.08	3.91	87		Giỏi
29	23D108121	Vũ An	Khánh	K59AA3	AA	16	8.96	4.00	81		Giỏi
30	23D108053	Nguyễn Ngọc Trâm	Anh	K59AA2	AA	16	8.95	3.91	98		Khá
31	23D108017	Trần Thị Nho	Huyền	K59AA1	AA	16	8.93	4.00	90		Khá
32	23D108060	Nguyễn Thị Thùy	Dung	K59AA2	AA	16	8.93	3.94	85		Khá
33	23D108069	Nguyễn Thu	Hương	K59AA2	AA	16	8.91	3.94	88		Khá
34	23D108095	Phạm Thị Hoài	Thương	K59AA2	AA	16	8.88	3.88	94		Khá
35	23D108136	Phạm Minh	Phương	K59AA3	AA	16	8.88	3.94	80		Khá
36	23D108107	Trần Thanh	Bình	K59AA3	AA	16	8.84	3.84	82		Khá
37	23D108044	Nguyễn Kim	Thoa	K59AA1	AA	16	8.83	3.91	86		Khá
38	23D109054	Đào Thanh	Hằng	K59AS2	AS	18	9.15	4.00	96		Xuất sắc
39	23D109031	Hồ Thị Như	Quỳnh	K59AS1	AS	18	9.04	4.00	83		Giỏi
40	23D109076	Lê Thị Như	Quỳnh	K59AS2	AS	18	8.85	4.00	83		Giỏi
41	23D109084	Nguyễn Thị	Trúc	K59AS2	AS	20	8.84	3.90	89		Khá
42	23D109052	Phạm Thị	Giang	K59AS2	AS	16	8.83	3.91	91		Khá

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 10	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 4	ĐRL HK2 NH 25-26	MGHP	Loại HB
43	23D109063	Phó Hương	Linh	K59AS2	AS	19	8.78	3.92	95		Khá
44	23D109047	Lê Trâm	Anh	K59AS2	AS	18	8.76	3.92	87		Khá
45	23D109037	Trần Thủy	Tiên	K59AS1	AS	21	8.73	3.86	83		Khá
46	23D120084	Lại Thúy	Nga	K59C2	C	17	9.05	4.00	87		Giỏi
47	23D120072	Nguyễn Thu	Huyền	K59C2	C	17	8.96	4.00	85		Giỏi
48	23D120151	Nguyễn Mai	Anh	K59C4	C	17	8.93	4.00	90		Giỏi
49	23D120031	Đặng Thị Hằng	Nga	K59C1	C	17	8.89	3.91	99		Giỏi
50	23D120014	Tạ Thị Hoàng	Dự	K59C1	C	17	8.88	3.91	96		Giỏi
51	23D120062	Trần Văn	Dũng	K59C2	C	21	8.77	3.86	86		Giỏi
52	23D120101	Đỗ Thảo	Anh	K59C3	C	15	8.76	3.90	82		Giỏi
53	23D120138	Nguyễn Thị Mai	Phương	K59C3	C	17	8.72	3.74	84		Khá
54	23D120086	Quảng Thị Bích	Ngọc	K59C2	C	17	8.68	3.82	82		Khá
55	23D120193	Trần Huyền	Trang	K59C4	C	17	8.65	3.91	82		Khá
56	23D120183	Nguyễn Trang	Nhung	K59C4	C	17	8.63	3.76	89		Khá
57	23D120064	Vũ Ánh	Dương	K59C2	C	15	8.62	3.70	82		Khá
58	23D120116	Nguyễn Thị	Hoa	K59C3	C	15	8.62	3.80	86		Khá
59	23D120090	Nguyễn Thị Loan	Phượng	K59C2	C	17	8.61	3.85	82		Khá
60	23D120056	Vũ Thị Ngọc	Anh	K59C2	C	15	8.58	3.90	82		Khá
61	23D120083	Bùi Hà	My	K59C2	C	17	8.57	3.82	85		Khá
62	23D120152	Nguyễn Quỳnh	Anh	K59C4	C	22	8.57	3.77	83		Khá
63	23D122115	Phan Ngọc	Hiệp	K59CC3	CC	17	8.95	3.91	97		Giỏi
64	23D122061	Nguyễn Ý Mỹ	Đức	K59CC2	CC	17	8.92	4.00	100		Giỏi
65	23D122002	Hoàng Hữu Tùng	Anh	K59CC1	CC	17	8.90	4.00	83		Giỏi
66	23D122042	Nguyễn Thị Tâm	Thư	K59CC1	CC	17	8.89	3.91	92		Giỏi
67	23D122026	Đinh Trọng	Kiên	K59CC1	CC	17	8.87	3.91	86		Giỏi
68	23D122097	Lê Trần Văn	Anh	K59CC3	CC	17	8.76	3.82	99		Khá
69	23D122087	Chu Thị Phương	Thảo	K59CC2	CC	17	8.70	3.85	92		Khá
70	23D122043	Đỗ Thị Thu	Trang	K59CC1	CC	17	8.64	3.91	82		Khá
71	23D122020	Nguyễn Ngọc	Hân	K59CC1	CC	17	8.61	3.79	86		Khá
72	23D122048	Bùi Hải	Yến	K59CC1	CC	17	8.61	3.82	89		Khá
73	23D122134	Phạm Thị Phương	Thảo	K59CC3	CC	17	8.61	3.88	98		Khá
74	23D122128	Trần Minh	Ngọc	K59CC3	CC	17	8.59	3.85	92		Khá
75	23D122067	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	K59CC2	CC	17	8.57	3.82	92		Khá
76	23D121076	Nguyễn Khánh	Ly	K59CD2	CD	15	8.96	4.00	84		Giỏi
77	23D121088	Lê Thị	Phương	K59CD2	CD	15	8.89	3.90	88		Giỏi
78	23D121103	Lâm Khánh	Vy	K59CD2	CD	17	8.89	3.91	88		Giỏi
79	23D121073	Hà Khánh	Linh	K59CD2	CD	17	8.83	3.94	97		Giỏi
80	23D121092	Bùi Thu	Thảo	K59CD2	CD	17	8.82	3.88	85		Khá
81	23D121063	Nguyễn Mỹ	Duyên	K59CD2	CD	17	8.81	3.94	88		Khá
82	23D121077	Quán Thị Ngọc	Mai	K59CD2	CD	17	8.81	3.91	89		Khá
83	23D121087	Đỗ Thu	Phương	K59CD2	CD	15	8.79	3.90	85		Khá
84	23D121048	Nguyễn Huyền	Trang	K59CD1	CD	17	8.78	3.79	97		Khá
85	23D121057	Trần Minh	Ánh	K59CD2	CD	17	8.75	3.82	96		Khá
86	23D220093	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	K59T3	T	17	9.02	4.00	94		Xuất sắc
87	23D220005	Nguyễn Thị Vân	Anh	K59T1	T	17	8.96	4.00	91		Giỏi
88	23D220030	Nguyễn Mai	Phương	K59T1	T	17	8.94	4.00	96		Giỏi
89	23D220100	Hoàng Phương	Linh	K59T3	T	17	8.90	3.91	89		Giỏi
90	23D220044	Nguyễn Thị Huyền	Anh	K59T2	T	17	8.89	4.00	83		Giỏi

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 10	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 4	ĐRL HK2 NH 25-26	MGHP	Loại HB
91	23D220064	Nguyễn Thị Thùy	Linh	K59T2	T	17	8.88	3.91	93		Giỏi
92	23D220015	Nguyễn Thị	Hoa	K59T1	T	17	8.85	3.91	88		Khá
93	23D220119	Nguyễn Thị Kim	Vân	K59T3	T	17	8.85	4.00	83		Khá
94	23D220136	Nguyễn Ngọc	Lan	K59T4	T	17	8.85	4.00	86		Khá
95	23D220061	Đỗ Diệu	Linh	K59T2	T	17	8.83	3.91	89		Khá
96	23D220132	Lê Thị	Hiền	K59T4	T	17	8.83	3.91	92		Khá
97	23D220004	Nguyễn Thị Hà	Anh	K59T1	T	17	8.80	3.91	87		Khá
98	23D220047	Nguyễn Thị Nguyệt	Ánh	K59T2	T	17	8.80	3.88	81		Khá
99	23D220120	Trần Như	Việt	K59T3	T	17	8.79	3.94	86		Khá
100	23D220067	Đào Thị An	Na	K59T2	T	17	8.74	3.82	91		Khá
101	23D150005	Trần Văn	Anh	K59D1	D	18	9.15	4.00	94		Xuất sắc
102	23D150036	Đoàn Diễm	Quỳnh	K59D1	D	15	9.10	3.90	90		Xuất sắc
103	23D150082	Nguyễn Phương	Thảo	K59D2	D	15	9.10	3.90	79		Khá
104	23D150059	Lê Ngọc	Hân	K59D2	D	17	9.07	3.94	87		Giỏi
105	23D150083	Lê Thị Anh	Thơ	K59D2	D	24	9.06	4.00	87		Giỏi
106	23D150012	Hoàng Việt	Hà	K59D1	D	17	8.98	3.91	91		Giỏi
107	23D150022	Đào Thị Thùy	Linh	K59D1	D	20	8.97	3.95	80		Giỏi
108	23D150151	Nguyễn Quang	Huy	K59D4	D	17	8.96	3.94	94		Giỏi
109	23D150178	Phạm Kiều	Trang	K59D4	D	17	8.94	4.00	93		Khá
110	23D150046	Đoàn Thị	Anh	K59D2	D	24	8.93	3.88	80		Khá
111	23D150096	Viên Quỳnh	Anh	K59D3	D	17	8.90	3.88	92	Có	Khá
112	23D150142	Nguyễn Thị	Chúc	K59D4	D	17	8.83	3.74	85		Khá
113	23D150033	Nguyễn Thị	Nhung	K59D1	D	17	8.81	3.79	83		Khá
114	23D150040	Đoàn Thanh	Thủy	K59D1	D	21	8.80	3.86	97		Khá
115	23D150132	Hà Thùy	Trang	K59D3	D	17	8.79	3.82	81		Khá
116	23D150015	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	K59D1	D	17	8.74	3.82	95		Khá
117	23D150024	Nguyễn Ngọc	Linh	K59D1	D	17	8.72	3.82	83		Khá
118	23D150002	Hoàng Hà	Anh	K59D1	D	18	8.68	3.75	84		Khá
119	23D270066	Phạm Thị Mai	Hường	K59DC2	DC	16	9.12	3.91	85		Giỏi
120	23D270033	Trần Hà	Phương	K59DC1	DC	16	9.07	4.00	90		Xuất sắc
121	23D270003	Nguyễn Huyền	Anh	K59DC1	DC	19	8.99	3.95	85		Giỏi
122	23D270016	Đỗ Thị Thu	Huyền	K59DC1	DC	18	8.92	3.92	97		Giỏi
123	23D270079	Nguyễn Hà	Phương	K59DC2	DC	16	8.86	3.94	94		Khá
124	23D270067	Bùi Phương	Linh	K59DC2	DC	16	8.81	3.84	77		Khá
125	23D270064	Khuất Thị Thanh	Huyền	K59DC2	DC	16	8.80	3.84	86		Khá
126	23D270013	Trần Thị	Hạnh	K59DC1	DC	19	8.74	3.84	84		Khá
127	23D270044	Nguyễn Thị Minh	Tuyết	K59DC1	DC	19	8.72	3.89	84		Khá
128	23D155097	Nguyễn Hiền	Thảo	K59DD2	DD	18	9.09	4.00	87		Giỏi
129	23D155066	Nguyễn Thị Hương	Giang	K59DD2	DD	18	8.94	3.94	90		Giỏi
130	23D155050	Phù Minh	Tuấn	K59DD1	DD	18	8.83	3.78	81		Giỏi
131	23D155088	Bùi Phạm Hà	My	K59DD2	DD	18	8.79	3.86	95		Giỏi
132	23D155095	Trần Thị Diễm	Quỳnh	K59DD2	DD	18	8.66	3.83	82		Khá
133	23D155090	Nguyễn Lam	Ngọc	K59DD2	DD	18	8.62	3.81	83		Khá
134	23D155024	Bùi Thị Thu	Hương	K59DD1	DD	18	8.54	3.72	91		Khá
135	23D155093	Nguyễn Hà	Phương	K59DD2	DD	18	8.44	3.72	83		Khá
136	23D155022	Nguyễn Thị Thu	Huyền	K59DD1	DD	18	8.39	3.58	88		Khá
137	23D155023	Vũ Sinh	Hùng	K59DD1	DD	18	8.39	3.56	99		Khá
138	23D151051	Lê Hải	Yến	K59DI1	DI	19	8.80	3.92	80		Giỏi

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 10	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 4	ĐRL HK2 NH 25-26	MGHP	Loại HB
139	23D151047	Nguyễn Quỳnh	Trâm	K59DI1	DI	17	8.73	3.82	92		Khá
140	23D151020	Đào Thị Thanh	Hào	K59DI1	DI	19	8.46	3.61	83		Khá
141	23D151044	Lương Thu	Thảo	K59DI1	DI	19	8.44	3.63	100		Khá
142	23D151050	Lã Hà	Vy	K59DI1	DI	19	8.32	3.58	83		Khá
143	23D290097	Vũ Phương	Thảo	K59DK2	DK	17	9.12	4.00	87		Giỏi
144	23D290007	Đỗ Thùy	Dương	K59DK1	DK	17	8.99	3.91	87		Giỏi
145	23D290028	Nguyễn Hữu	Lợi	K59DK1	DK	18	8.97	4.00	93		Giỏi
146	23D290044	Trương Thu	Thảo	K59DK1	DK	17	8.94	3.91	89		Giỏi
147	23D290030	Đỗ Thị Ngọc	Mai	K59DK1	DK	15	8.92	4.00	89		Khá
148	23D290088	Nguyễn Mỹ	Nhật	K59DK2	DK	15	8.92	4.00	84		Khá
149	23D290071	Lê Thị Thu	Huyền	K59DK2	DK	17	8.86	3.88	84		Khá
150	23D290101	Phùng Thế	Vũ	K59DK2	DK	17	8.86	3.88	82		Khá
151	23D290077	Mạc Khánh	Linh	K59DK2	DK	17	8.84	3.94	86		Khá
152	23D290058	Đinh Hòa	Bình	K59DK2	DK	17	8.79	3.88	81		Khá
153	23D130066	Bùi Việt	Hà	K59E2	E	17	9.19	4.00	91		Xuất sắc
154	23D130044	Dương Trần Mai	Thương	K59E1	E	17	9.14	3.94	94		Giỏi
155	23D130073	Ngô Trung	Kiên	K59E2	E	21	9.06	3.86	89		Giỏi
156	23D130018	Hàn Ngọc	Hằng	K59E1	E	18	9.00	4.00	86		Giỏi
157	23D130069	Đỗ Thị Thu	Hiền	K59E2	E	17	8.91	3.94	95		Giỏi
158	23D130043	Lê Thị	Thu	K59E1	E	17	8.90	3.94	81		Khá
159	23D130075	Hoàng Thị Mỹ	Linh	K59E2	E	18	8.90	4.00	89		Khá
160	23D130094	Phạm Thùy	Trang	K59E2	E	17	8.89	3.91	89		Khá
161	23D130068	Nguyễn Thu	Hào	K59E2	E	15	8.88	3.90	81		Khá
162	23D130080	Nguyễn Thị Kim	Ngân	K59E2	E	21	8.87	3.93	95		Khá
163	23D130051	Nguyễn Thị	Yến	K59E1	E	17	8.86	3.91	86		Khá
164	23D130087	Nguyễn Đình Thành	Tâm	K59E2	E	17	8.85	3.82	97		Khá
165	23D130064	Đàm Thị Hà	Giang	K59E2	E	17	8.84	3.94	86		Khá
166	23D130005	Phan Thị Phương	Anh	K59E1	E	17	8.83	3.91	92		Khá
167	23D130036	Khuất Hoàng	Nhi	K59E1	E	17	8.82	3.91	90		Khá
168	23D131092	Nguyễn Thái Mai	Phương	K59EE2	EE	16	8.88	3.94	99		Giỏi
169	23D131036	Đoàn Thị Thu	Phương	K59EE1	EE	16	8.86	3.94	86		Giỏi
170	23D131038	Phạm Thu	Phương	K59EE1	EE	16	8.84	3.91	89		Giỏi
171	23D131034	Phạm Trần Thảo	Nguyên	K59EE1	EE	16	8.83	3.94	86		Giỏi
172	23D131081	Nguyễn Thị	Linh	K59EE2	EE	16	8.81	4.00	84		Khá
173	23D131026	Nguyễn Thị Bảo	Linh	K59EE1	EE	16	8.78	4.00	80		Khá
174	23D131048	Dương Thùy	Trang	K59EE1	EE	16	8.76	3.91	97		Khá
175	23D131033	Đào Thị Ánh	Ngọc	K59EE1	EE	16	8.75	4.00	100		Khá
176	23D131085	Đặng Tuyết	Mai	K59EE2	EE	16	8.73	3.91	85		Khá
177	23D131018	Trần Thị Thanh	Huyền	K59EE1	EE	16	8.72	3.94	88		Khá
178	23D260019	Vũ Thị Ngọc	Linh	K59EK1	EK	21	9.20	4.00	89		Giỏi
179	23D260101	Nguyễn Thị Kim	Oanh	K59EK3	EK	24	9.16	4.00	100		Xuất sắc
180	23D260054	Đào Nhật	Lê	K59EK2	EK	17	9.14	3.88	89		Giỏi
181	23D260056	Mai Thảo	Ly	K59EK2	EK	17	9.12	3.94	100		Giỏi
182	23D260065	Nguyễn Thị Phương	Thảo	K59EK2	EK	24	8.94	3.94	100		Khá
183	23D260084	Lê Thị Hương	Giang	K59EK3	EK	15	8.92	3.90	84		Khá
184	23D260055	Lê Nhật	Linh	K59EK2	EK	19	8.90	3.87	89		Khá
185	23D260090	Nguyễn Mai	Hoa	K59EK3	EK	15	8.90	3.90	80		Khá
186	23D260023	Trần Ánh	Ngọc	K59EK1	EK	21	8.83	3.86	95		Khá

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTB HK2 NH 25-26 tháng 10	ĐTB HK2 NH 25-26 tháng 4	ĐRL HK2 NH 25-26	MGHP	Loại HB
187	23D260103	Mai Thị	Thanh	K59EK3	EK	17	8.82	3.76	84		Khá
188	23D260086	Võ Thị Thu	Hà	K59EK3	EK	17	8.75	3.82	90		Khá
189	23D300123	Đỗ Tuấn	Ngọc	K59LQ3	LQ	17	9.12	4.00	100		Xuất sắc
190	23D300009	Vũ Tiến	Đạt	K59LQ1	LQ	17	8.99	4.00	94		Giỏi
191	23D300085	Tống Thị	Thảo	K59LQ2	LQ	20	8.99	4.00	86		Giỏi
192	23D300151	Trần Thị Hương	Giang	K59LQ4	LQ	17	8.97	3.91	87		Giỏi
193	23D300014	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	K59LQ1	LQ	20	8.95	3.93	92		Giỏi
194	23D300036	Phùng Minh	Tâm	K59LQ1	LQ	20	8.92	3.93	92		Giỏi
195	23D300018	Đào Ngọc Khánh	Linh	K59LQ1	LQ	17	8.91	4.00	86		Giỏi
196	23D300097	Đỗ Thị Vân	Anh	K59LQ3	LQ	18	8.88	3.92	97		Khá
197	23D300092	Nguyễn Thị	Tuyết	K59LQ2	LQ	17	8.84	3.82	94		Khá
198	23D300113	Hoàng Minh	Khánh	K59LQ3	LQ	21	8.84	3.93	90		Khá
199	23D300182	Sa Thị	Thùy	K59LQ4	LQ	17	8.84	4.00	90		Khá
200	23D300083	Nguyễn Hương	Quỳnh	K59LQ2	LQ	17	8.81	3.82	98		Khá
201	23D300176	Đào Thị	Quỳnh	K59LQ4	LQ	17	8.81	3.91	96		Khá
202	23D300110	Lê Thị Thu	Huyền	K59LQ3	LQ	15	8.80	4.00	82		Khá
203	23D300162	Nguyễn Thị	Linh	K59LQ4	LQ	24	8.80	3.88	96		Khá
204	23D300105	Hoàng Bình	Giang	K59LQ3	LQ	17	8.79	3.82	94		Khá
205	23D300032	Nguyễn Thảo	Phương	K59LQ1	LQ	15	8.78	3.70	87		Khá
206	23D300117	Lê Thị Diệu	Linh	K59LQ3	LQ	17	8.78	3.82	88		Khá
207	23D160141	Hoàng Tuyết	Nhi	K59F3	F	19	9.24	3.95	96		Xuất sắc
208	23D160106	Nguyễn Thị Phương	Anh	K59F3	F	19	9.15	4.00	92		Xuất sắc
209	23D160258	Hồ Thị	Xuyến	K59F5	F	16	9.13	4.00	94		Xuất sắc
210	23D160260	Phan Thị Ngọc	Anh	K59F6	F	19	9.02	3.92	89		Giỏi
211	23D160189	Trần Thị Trà	My	K59F4	F	19	9.00	3.92	86		Giỏi
212	23D160187	Đặng Thị	Mai	K59F4	F	19	8.99	3.95	92		Giỏi
213	23D160080	Đỗ Mai	Linh	K59F2	F	25	8.90	3.94	91		Giỏi
214	23D160068	Phùng Thị	Hạnh	K59F2	F	19	8.87	3.84	83		Giỏi
215	23D160087	Nguyễn Thị	Ngà	K59F2	F	16	8.86	3.81	97		Giỏi
216	23D160004	Nguyễn Thị Hồng	Anh	K59F1	F	19	8.84	3.89	89		Giỏi
217	23D160069	Nguyễn Thị	Hằng	K59F2	F	19	8.84	3.92	89		Giỏi
218	23D160205	Nguyễn Thanh	Vân	K59F4	F	19	8.81	3.84	89		Khá
219	23D160222	Hoàng Hồng	Hạnh	K59F5	F	16	8.81	3.91	90		Giỏi
220	23D160236	Lê Thị Ngọc	Mai	K59F5	F	19	8.79	3.92	82		Khá
221	23D160254	Vũ Thị Thùy	Trang	K59F5	F	16	8.76	3.81	86		Khá
222	23D160271	Trần Ngân	Giang	K59F6	F	19	8.76	3.84	90		Khá
223	23D160291	Dương Thị	Nguyên	K59F6	F	19	8.75	3.74	100		Khá
224	23D160294	Vũ Thị	Oanh	K59F6	F	19	8.75	3.95	93		Khá
225	23D160025	Phạm Diệu	Linh	K59F1	F	19	8.73	3.82	94		Khá
226	23D160183	Nguyễn Thị	Liên	K59F4	F	19	8.72	3.76	85		Khá
227	23D160005	Trần Ngọc Mai	Anh	K59F1	F	19	8.71	3.89	81		Khá
228	23D160065	Nguyễn Thị Hương	Giang	K59F2	F	19	8.71	3.79	96		Khá
229	23D160194	Đào Thị Quỳnh	Như	K59F4	F	23	8.71	3.74	99		Khá
230	23D160204	Phạm Thị Ánh	Tuyết	K59F4	F	19	8.69	3.76	96		Khá
231	23D160273	Mai Trúc	Hằng	K59F6	F	19	8.69	3.68	100		Khá
232	23D160282	Cù Nguyễn Thùy	Linh	K59F6	F	19	8.69	3.71	86		Khá
233	23D160033	Nguyễn Thảo	Nguyên	K59F1	F	16	8.66	3.81	84		Khá
234	23D160214	Hồ Hoàng	Châu	K59F5	F	19	8.66	3.74	100		Khá

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 10	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 4	ĐRL HK2 NH 25-26	MGHP	Loại HB
235	23D160197	Dương Như	Quỳnh	K59F4	F	23	8.64	3.78	94		Khá
236	23D180152	Phùng Ngân	Hà	K59H4	H	22	8.98	3.86	100		Giỏi
237	23D180102	Trần Linh	Đan	K59H3	H	22	8.89	3.93	99		Giỏi
238	23D180067	Đào Thị Ngọc	Linh	K59H2	H	16	8.86	3.81	98		Giỏi
239	23D180145	Nguyễn Thị Lan	Anh	K59H4	H	19	8.79	3.82	98		Giỏi
240	23D180008	Cao Minh	Dương	K59H1	H	16	8.78	3.84	83		Giỏi
241	23D180129	Đỗ Hữu	Phước	K59H3	H	16	8.76	3.75	93		Giỏi
242	23D180084	Vũ Diễm	Quỳnh	K59H2	H	22	8.73	3.86	81		Giỏi
243	23D180042	Đỗ Văn	Tinh	K59H1	H	21	8.69	3.71	100		Khá
244	23D180053	Nguyễn Văn Tùng	Dương	K59H2	H	16	8.69	3.72	91		Khá
245	23D180088	Lường Thị Huyền	Trang	K59H2	H	16	8.69	3.84	84		Khá
246	23D180097	Phạm Thị Minh	Anh	K59H3	H	19	8.69	3.79	100		Khá
247	23D180055	Vũ Hoàng	Đức	K59H2	H	19	8.62	3.79	81		Khá
248	23D180135	Phạm Thị Thanh	Thư	K59H3	H	18	8.62	3.61	94		Khá
249	23D180019	Phạm Hương	Lan	K59H1	H	16	8.59	3.72	84		Khá
250	23D180027	Trần Trà	My	K59H1	H	16	8.59	3.59	80		Khá
251	23D180149	Nguyễn Trần Minh	Đức	K59H4	H	16	8.59	3.81	78		Khá
252	23D180146	Trần Quỳnh	Anh	K59H4	H	19	8.57	3.84	89		Khá
253	23D180045	Đặng Hà	Trình	K59H1	H	16	8.56	3.72	94		Khá
254	23D280050	Khương Thị Ngọc	Ánh	K59HC2	HC	19	9.13	4.00	88		Giỏi
255	23D280083	Lê Phương	Thảo	K59HC2	HC	16	9.09	4.00	92		Xuất sắc
256	23D280032	Kim Thị	Nhung	K59HC1	HC	19	8.98	4.00	74		Khá
257	23D280022	Nguyễn Thị Hồng	Lan	K59HC1	HC	16	8.84	3.88	85		Giỏi
258	23D280011	Nguyễn Thu	Hà	K59HC1	HC	19	8.80	3.84	92		Giỏi
259	23D280024	Lý Thị Mai	Linh	K59HC1	HC	19	8.79	3.95	81		Khá
260	23D280029	Vì Ngọc	Lý	K59HC1	HC	19	8.79	3.74	80		Khá
261	23D280020	Phạm Thị Thu	Hường	K59HC1	HC	19	8.78	3.95	74		Khá
262	23D280067	Nghiêm Hồng	Liên	K59HC2	HC	19	8.76	3.84	84		Khá
263	23D185058	Hà Mạnh	Cường	K59HH2	HH	17	9.21	4.00	88		Giỏi
264	23D185034	Nguyễn Lâm	Phương	K59HH1	HH	17	8.91	3.71	94		Giỏi
265	23D185115	Nguyễn Thu	Hương	K59HH3	HH	17	8.89	3.85	93		Giỏi
266	23D185091	Chu Nguyễn Huyền	Trang	K59HH2	HH	17	8.85	3.94	83		Giỏi
267	23D185051	Dương Thị Vân	Anh	K59HH2	HH	17	8.59	3.74	81		Giỏi
268	23D185009	Nguyễn Phùng Lan	Chi	K59HH1	HH	17	8.54	3.68	94		Giỏi
269	23D185079	Bùi Hà	My	K59HH2	HH	17	8.48	3.65	84		Khá
270	23D185107	Hoàng Ngọc	Diễm	K59HH3	HH	17	8.47	3.79	85		Khá
271	23D185139	Hoàng Thu	Trang	K59HH3	HH	17	8.46	3.62	87		Khá
272	23D185088	Lê Nguyễn Phương	Thảo	K59HH2	HH	17	8.42	3.56	83		Khá
273	23D185016	Đặng Ngọc	Hoa	K59HH1	HH	17	8.34	3.56	90		Khá
274	23D185067	Trần Gia	Huy	K59HH2	HH	17	8.34	3.62	77		Khá
275	23D185120	Nguyễn Thị Khánh	Linh	K59HH3	HH	17	8.32	3.65	83		Khá
276	23D185130	Trần Ngọc Yến	Nhi	K59HH3	HH	17	8.31	3.56	80		Khá
277	23D140078	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	K59I2	I	16	9.43	4.00	83		Giỏi
278	23D140250	Phạm Thanh	Huyền	K59I5	I	18	9.34	3.92	88		Giỏi
279	23D140052	Nguyễn Lê Nhật	Trang	K59I1	I	16	9.30	4.00	91		Xuất sắc
280	23D140020	Phạm Thị	Hoa	K59I1	I	16	9.28	4.00	95		Xuất sắc
281	23D140277	Nghiêm Thị Thu	Thảo	K59I5	I	16	9.25	4.00	96		Xuất sắc
282	23D140283	Nguyễn Hà	Trang	K59I5	I	15	9.23	4.00	86		Giỏi

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 10	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 4	ĐRL HK2 NH 25-26	MGHP	Loại HB
283	23D140049	Trần Thị Thu	Thúy	K59I1	I	15	9.23	4.00	90		Giỏi
284	23D140027	Hoàng Thị Thu	Khuyên	K59I1	I	15	9.21	4.00	87		Giỏi
285	23D140188	Nguyễn Thị	Hà	K59I4	I	16	9.19	4.00	86		Giỏi
286	23D140116	Trần Thị Hồng	Yến	K59I2	I	16	9.18	4.00	86		Giỏi
287	23D140134	Đỗ Thị	Hằng	K59I3	I	16	9.17	3.91	89		Giỏi
288	23D140047	Nguyễn Phương	Thảo	K59I1	I	16	9.15	4.00	88		Khá
289	23D140033	Vũ Trịnh Mai	Linh	K59I1	I	15	9.13	4.00	86		Khá
290	23D140198	Nguyễn Thị Mai	Lan	K59I4	I	16	9.11	3.94	94		Khá
291	23D140103	Nguyễn Thị Lê	Quyên	K59I2	I	16	9.08	3.94	84		Khá
292	23D140124	Bùi Thị	Chi	K59I3	I	21	9.06	4.00	82		Khá
293	23D140101	Lại Cao	Phong	K59I2	I	16	9.06	3.94	87		Khá
294	23D140256	Phạm Thị Mai	Lan	K59I5	I	18	9.05	3.94	99		Khá
295	23D140261	Vũ Thùy	Linh	K59I5	I	18	9.05	3.92	89		Khá
296	23D140075	Hoàng Thị Ngọc	Hà	K59I2	I	15	9.05	3.93	89		Khá
297	23D140199	Khoa Khánh	Linh	K59I4	I	16	9.04	4.00	82		Khá
298	23D140224	Kiều Thị Lan	Thương	K59I4	I	18	9.04	3.92	84		Khá
299	23D140173	Nguyễn Thị Thu	Uyên	K59I3	I	16	9.03	4.00	93		Khá
300	23D140180	Hoàng Thị	Diệu	K59I4	I	16	9.03	3.94	93		Khá
301	23D140191	Bùi Trung	Hiếu	K59I4	I	16	9.03	3.94	97		Khá
302	23D140197	Hoàng Thị Thúy	Hường	K59I4	I	18	9.03	4.00	82		Khá
303	23D140233	Vũ Phạm Văn	Anh	K59I5	I	18	9.03	3.89	87		Khá
304	23D140259	Nguyễn Thị Thùy	Linh	K59I5	I	15	9.03	4.00	89		Khá
305	23D140278	Vũ Ngọc	Thảo	K59I5	I	18	9.02	3.86	95		Khá
306	23D170268	Vũ Thị	Thảo	K59N5	N	16	9.26	4.00	99		Xuất sắc
307	23D170079	Nguyễn Lan	Hương	K59N2	N	16	9.24	4.00	98		Xuất sắc
308	23D170270	Hoàng Thị Doan	Trang	K59N5	N	16	9.24	4.00	93		Xuất sắc
309	23D170243	Nguyễn Vũ Thanh	Hương	K59N5	N	16	9.23	4.00	92		Giỏi
310	23D170085	Nguyễn Lương Diệu	Linh	K59N2	N	16	9.20	4.00	100		Giỏi
311	23D170023	Đinh Thị	Huế	K59N1	N	16	9.19	3.94	93		Giỏi
312	23D170180	Nguyễn Thị Quỳnh	Giang	K59N4	N	19	9.11	3.95	100		Giỏi
313	23D170249	Nguyễn Thị Khánh	Linh	K59N5	N	16	9.07	3.94	80		Giỏi
314	23D170075	Trần Trung	Hiếu	K59N2	N	16	9.06	3.94	85		Giỏi
315	23D170247	Đỗ Mai	Linh	K59N5	N	16	9.02	3.78	82		Giỏi
316	23D170252	Phạm Hoa	Mai	K59N5	N	20	9.02	3.95	83		Giỏi
317	23D170069	Nguyễn Thị Hương	Giang	K59N2	N	18	9.01	3.94	89		Khá
318	23D170032	Vũ Ngọc	Linh	K59N1	N	16	8.93	4.00	98		Khá
319	23D170176	Tổng Thị Thủy	Dung	K59N4	N	16	8.93	3.81	95		Khá
320	23D170112	Nguyễn Thùy	An	K59N3	N	16	8.91	4.00	86		Khá
321	23D170025	Nguyễn Sơn	Hùng	K59N1	N	16	8.89	3.88	83		Khá
322	23D170262	Nguyễn Minh	Quang	K59N5	N	16	8.88	3.88	93		Khá
323	23D170031	Nguyễn Thị Yến	Linh	K59N1	N	16	8.87	3.88	100		Khá
324	23D170215	Nguyễn Thị Thu	Trang	K59N4	N	16	8.85	3.94	93		Khá
325	23D170037	Nguyễn Việt	Nam	K59N1	N	16	8.83	3.81	87		Khá
326	23D170017	Nguyễn Thị Phương	Hào	K59N1	N	16	8.82	3.88	85		Khá
327	23D170074	Nguyễn Thị	Hiền	K59N2	N	16	8.81	3.81	94		Khá
328	23D170036	Lê Hà	My	K59N1	N	16	8.79	3.78	88		Khá
329	23D170260	Trần Thị Yến	Nhi	K59N5	N	16	8.79	3.88	80		Khá
330	23D170277	Đào Lưu Khánh	Linh	K59N5	N	16	8.79	3.81	87		Khá

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 10	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 4	ĐRL HK2 NH 25-26	MGHP	Loại HB
331	23D170009	Nguyễn Khánh	Duyên	K59N1	N	16	8.78	3.88	85		Khá
332	23D170134	Quản Thị	Huệ	K59N3	N	16	8.77	3.88	83		Khá
333	23D200053	Lại Hải	Hà	K59P2	P	21	9.20	4.00	95		Xuất sắc
334	23D200024	Nguyễn Thị Phương	Linh	K59P1	P	21	8.99	3.86	89		Giỏi
335	23D200047	Hoàng Ngọc	Châu	K59P2	P	21	8.96	3.86	97		Giỏi
336	23D200045	Phạm Lan	Anh	K59P2	P	21	8.86	3.86	89		Giỏi
337	23D200074	Nguyễn Hoàng Phương	Thủy	K59P2	P	18	8.85	3.83	89		Khá
338	23D200062	Hoàng Lê Bảo	Lam	K59P2	P	21	8.83	3.86	81		Khá
339	23D200086	Phan Thiên	Bình	K59P3	P	24	8.79	3.90	88		Khá
340	23D200090	Phan Thùy	Dương	K59P3	P	21	8.73	3.81	93		Khá
341	23D200103	Nguyễn Khánh	Linh	K59P3	P	18	8.73	3.81	94		Khá
342	23D200057	Lê Tuấn	Huy	K59P2	P	21	8.72	3.93	89		Khá
343	23D200059	Nguyễn Duy	Hùng	K59P2	P	18	8.71	3.83	89		Khá
344	23D201017	Dương Văn	Khánh	K59PQ1	PQ	19	9.20	3.92	98		Xuất sắc
345	23D201007	Nguyễn Thị Thu	Chang	K59PQ1	PQ	20	9.01	4.00	95		Giỏi
346	23D201059	Nguyễn Diệu	Linh	K59PQ2	PQ	19	8.99	3.95	89		Giỏi
347	23D201046	Trương Thị Mỹ	Dung	K59PQ2	PQ	20	8.79	3.88	93		Khá
348	22D201002	Lê Văn	Anh	K59PQ1	PQ	18	8.77	3.81	83		Khá
349	23D201061	Vũ Hiền	Lương	K59PQ2	PQ	15	8.68	3.93	89		Khá
350	23D105005	Nguyễn Thị Thùy	Dung	K59Q1	Q	20	9.29	4.00	98		Xuất sắc
351	23D105041	Phan Linh Trang	Anh	K59Q2	Q	17	9.27	4.00	100		Giỏi
352	23D105072	Nguyễn Như	Quỳnh	K59Q2	Q	17	9.14	4.00	91		Giỏi
353	23D105027	Dương Thị Minh	Nguyệt	K59Q1	Q	20	8.92	3.85	95		Khá
354	23D105067	Lê Uyên	Nhi	K59Q2	Q	20	8.90	3.88	99		Khá
355	23D105003	Vũ Ngọc	Ánh	K59Q1	Q	20	8.56	3.85	89		Khá
356	23D107165	Lê Thanh	Thủy	K59QT3	QT	20	9.00	3.75	83		Giỏi
357	23D107167	Lê Thị Thủy	Tiên	K59QT3	QT	20	8.99	3.83	90		Giỏi
358	23D107212	Lương Minh	Nhung	K59QT4	QT	17	8.99	3.76	91		Giỏi
359	23D107136	Nguyễn Thanh	Huyền	K59QT3	QT	17	8.83	4.00	87		Giỏi
360	23D107157	Hoàng Thị Thu	Phương	K59QT3	QT	17	8.81	3.91	87		Giỏi
361	23D107150	Đinh Thị Trà	My	K59QT3	QT	15	8.80	3.90	91		Giỏi
362	23D107223	Đỗ Thị	Thư	K59QT4	QT	17	8.75	3.85	100		Giỏi
363	23D107019	Hồ Tô	Hoài	K59QT1	QT	17	8.74	3.91	89		Khá
364	23D107080	Trần Thị Thu	Huyền	K59QT2	QT	15	8.74	3.80	85		Khá
365	23D107201	Ngô Thị Thùy	Linh	K59QT4	QT	17	8.74	3.91	92		Giỏi
366	23D107194	Nguyễn Thị	Huyền	K59QT4	QT	21	8.71	3.79	100		Khá
367	23D107192	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	K59QT4	QT	17	8.70	3.74	84		Khá
368	23D107230	Nguyễn Thị Ngọc	Viên	K59QT4	QT	17	8.70	3.91	86		Khá
369	23D107089	Đỗ Thị Cẩm	Ly	K59QT2	QT	17	8.68	3.74	98		Khá
370	23D107190	Trần Nguyệt	Hằng	K59QT4	QT	20	8.67	3.83	89		Khá
371	23D107069	Phạm Thị Mai	Duyên	K59QT2	QT	21	8.66	3.71	88		Khá
372	23D107018	Lê Diệu	Hiền	K59QT1	QT	15	8.62	3.90	83		Khá
373	23D107097	Phạm Lê Trang	Nhung	K59QT2	QT	17	8.61	3.71	93		Khá
374	23D107155	Đặng Thị	Nhung	K59QT3	QT	17	8.60	3.74	82		Khá
375	23D107129	Ngô Thị Ngọc	Hà	K59QT3	QT	15	8.58	3.80	97		Khá
376	23D190099	Nguyễn Mai	Anh	K59S3	S	23	9.25	4.00	95		Xuất sắc
377	23D190023	Lê Thị	Lan	K59S1	S	16	9.16	4.00	88		Giỏi
378	23D190184	Cao Thanh	Thu	K59S4	S	23	9.11	4.00	89		Giỏi

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 10	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 4	ĐRL HK2 NH 25-26	MGHP	Loại HB
379	23D190043	Phạm Văn	Tiến	K59S1	S	19	9.07	4.00	93		Xuất sắc
380	23D190119	Đồng Thị	Hường	K59S3	S	16	9.04	3.94	89		Giỏi
381	23D190102	Phùng Thị Minh	Chi	K59S3	S	23	8.99	4.00	88		Giỏi
382	23D190104	Đặng Thị Thùy	Dung	K59S3	S	16	8.96	4.00	94		Giỏi
383	23D190144	Lê Thị Phương	Uyên	K59S3	S	16	8.94	3.94	87		Khá
384	23D190157	Đào Thu	Hải	K59S4	S	19	8.91	3.92	82		Khá
385	23D190072	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	K59S2	S	23	8.90	3.87	93		Khá
386	23D190035	Lò Thị Tuyết	Nhung	K59S1	S	19	8.89	4.00	86	Có	Khá
387	23D190127	Nguyễn Thị	Ngọc	K59S3	S	16	8.88	3.91	87		Khá
388	23D190192	Bùi Quang	Vinh	K59S4	S	24	8.88	3.92	93		Khá
389	23D190003	Nguyễn Thị Lan	Ánh	K59S1	S	16	8.86	3.81	88		Khá
390	23D190093	Dương Thị Thanh	Trúc	K59S2	S	23	8.86	3.93	100		Khá
391	23D190170	Nguyễn Quang	Minh	K59S4	S	22	8.85	4.00	95		Khá
392	23D190171	Phạm Trà	My	K59S4	S	22	8.85	4.00	86		Khá
393	23D190028	Trần Thị	Lý	K59S1	S	19	8.84	3.92	95		Khá
394	23D190047	Bùi Thị Hồng	Vân	K59S1	S	19	8.84	3.89	89		Khá
395	23D192048	Đặng Văn	Đan	K59SN2	SN	17	9.19	4.00	96		Xuất sắc
396	23D192046	Bùi Thị	Duyên	K59SN2	SN	17	8.91	3.91	97		Giỏi
397	23D192014	Lê Thị Thu	Hiền	K59SN1	SN	17	8.90	4.00	88		Giỏi
398	23D192009	Đào Hữu Tuấn	Đạt	K59SN1	SN	17	8.83	3.94	86		Khá
399	23D192007	Nguyễn Việt	Dũng	K59SN1	SN	17	8.72	3.76	98		Khá
400	23D192018	Vũ Thị Ánh	Hồng	K59SN1	SN	17	8.72	3.88	92		Khá
401	23D192042	Nguyễn Hoài	Anh	K59SN2	SN	17	8.71	3.88	85		Khá
402	23D192015	Nguyễn Minh	Hiếu	K59SN1	SN	17	8.69	3.94	92		Khá
403	23D210129	Phạm Thị	Sen	K59U3	U	19	8.99	4.00	89		Giỏi
404	23D210170	Trần Thị Huyền	Nhi	K59U4	U	17	8.98	4.00	96		Giỏi
405	23D210027	Nguyễn Đình Hà	My	K59U1	U	15	8.93	4.00	89		Giỏi
406	23D210121	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	K59U3	U	17	8.91	4.00	91		Giỏi
407	23D210104	Dương Thị Thu	Hà	K59U3	U	19	8.89	4.00	89		Giỏi
408	23D210008	Vũ Thị	Dung	K59U1	U	15	8.87	3.93	88		Giỏi
409	23D210198	Nguyễn Thị Hương	Giang	K59U5	U	15	8.86	4.00	88		Giỏi
410	23D210130	Đào Thị Thanh	Thảo	K59U3	U	19	8.83	4.00	99		Giỏi
411	23D210192	Đỗ Thị	Ánh	K59U5	U	15	8.83	3.90	100		Giỏi
412	23D210037	Trần Thị	Tâm	K59U1	U	16	8.81	3.94	98		Khá
413	23D210107	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	K59U3	U	18	8.78	3.92	92		Khá
414	23D210099	Bùi Ngọc Khánh	Chi	K59U3	U	19	8.69	3.87	89		Khá
415	23D210017	Nguyễn Thu	Huyền	K59U1	U	17	8.68	3.85	86		Khá
416	23D210228	Nguyễn Thị Huyền	Trang	K59U5	U	18	8.67	3.86	82		Khá
417	23D210117	Vàng Thị Diệu	Linh	K59U3	U	20	8.66	3.93	88		Khá
418	23D210076	Phạm Thị Tuyết	Nhung	K59U2	U	16	8.65	3.84	91		Khá
419	23D210078	Nguyễn Hà	Phương	K59U2	U	17	8.65	3.76	92		Khá
420	23D210193	Vũ Minh	Ánh	K59U5	U	15	8.65	3.90	89		Khá
421	23D210177	Hoàng Phương	Thảo	K59U4	U	17	8.64	3.76	83		Khá
422	23D210031	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	K59U1	U	15	8.63	3.83	93		Khá
423	23D210172	Đỗ Quỳnh	Phương	K59U4	U	17	8.62	3.85	100		Khá
424	23D210058	Nguyễn Thị Thu	Hà	K59U2	U	15	8.61	3.70	81		Khá
425	23D210162	Đặng Thị Thùy	Linh	K59U4	U	16	8.61	3.88	90		Khá
426	23D211061	Bùi Thùy	Linh	K59UU2	UU	17	9.15	4.00	100		Xuất sắc

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 10	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 4	ĐRL HK2 NH 25-26	MGHP	Loại HB
427	23D211020	Nguyễn Thị Trang	Linh	K59UU1	UU	17	8.96	4.00	85		Giỏi
428	23D211047	Lê Đức	Anh	K59UU2	UU	17	8.96	4.00	89		Giỏi
429	23D211005	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	K59UU1	UU	17	8.91	3.91	89		Khá
430	23D211052	Trần Hải	Đăng	K59UU2	UU	17	8.89	3.85	89		Khá
431	23D211046	Hà Kiều	Anh	K59UU2	UU	17	8.72	3.76	91		Khá
432	23D211042	Vũ Thị Ánh	Tuyết	K59UU1	UU	17	8.56	3.74	85		Khá
433	23D211084	Nguyễn Thị Huyền	Trang	K59UU2	UU	17	8.52	3.68	89		Khá
434	23D400073	Bùi Trịnh Minh	Ngọc	K59V2	V	17	9.17	3.88	97		Xuất sắc
435	23D400058	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	K59V2	V	17	9.06	3.88	88		Giỏi
436	23D400048	Nguyễn Mai	Chi	K59V2	V	23	9.02	3.87	98		Giỏi
437	23D400072	Ngô Trần Thanh	Ngân	K59V2	V	17	9.02	4.00	100		Giỏi
438	23D400005	Vũ Thị Phương	Diệu	K59V1	V	20	8.99	3.93	87		Khá
439	23D400053	Nguyễn Thu	Hằng	K59V2	V	17	8.97	4.00	94		Khá
440	23D400087	Đặng Hải	Yến	K59V2	V	23	8.94	3.78	100		Khá
441	23D400081	Lê Thị	Thương	K59V2	V	17	8.90	3.91	76		Khá
442	23D400030	Nguyễn Thị Hà	Phương	K59V1	V	17	8.89	3.88	95		Khá